

Số: 22 /TB-BVĐKĐN

Đồng Nai, ngày 20 tháng 5 năm 2025

THÔNG BÁO
Về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản

Căn cứ Luật đấu giá tài sản ngày 17/11/2016;

Căn cứ Luật số 15/2017/QH14 - Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ tư pháp về việc hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 114/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Công văn số 3987/STC-GCS ngày 20/6/2024 của Sở tài chính tỉnh Đồng Nai về việc thanh lý tài sản và xe ô tô cứu thương bị hư hỏng, không sử dụng được của Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1923/QĐ-UBND ngày 27/6/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc thanh lý tài sản và xe ô tô cứu thương bị hư hỏng, không sử dụng được của Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai;

Căn cứ Chứng thư thẩm định giá số 009/2025/050602 ngày 6/5/2025 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1265/QĐ-BVĐKĐN ngày 19/5/2025 của Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai về việc phê duyệt giá khởi điểm để bán thanh lý thiết bị hư hỏng, không sử dụng được của Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai;

1. Tên đơn vị có tài sản đấu giá

- Tên đơn vị: Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai

- Địa chỉ: Số 02, đường Đồng Khởi, phường Bình Đa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. Thông tin về tài sản đấu giá

Danh mục chi tiết (đính kèm).

3. Giá khởi điểm: 13.410.000 đồng (Mười ba triệu, bốn trăm mười nghìn đồng), đã bao gồm thuế VAT (nếu có), chưa bao gồm các khoản thuế, phí khác liên quan. Người trúng đấu giá tự vận chuyển tài sản ra khỏi nơi cất giữ và chịu các chi phí liên quan.

4. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá:

Các tổ chức đấu giá tài sản phải đáp ứng các tiêu chí tại khoản 4 Điều 56 Luật Đấu giá tài sản và Thông tư 19/2024 ngày 31/12/2024 của Bộ tư pháp, cụ thể như sau:

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	19
1.	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	10
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5
2.	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3
3.	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng Thông tin điện tử của Sở Tư pháp	2
4.	Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến	1
5.	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	16
1.	Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
1.1	Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
1.2	Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
2.	Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)	4,0
3.	Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá	4,0
3.1	Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật	2,0
3.2	Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá	2,0
4.	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức	4,0

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
	đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đùm giã, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá	
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	57
1.	Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	15
1.1	Dưới 20 cuộc đấu giá	12
1.2	Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá	13
1.3	Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá	14
1.4	Từ 70 cuộc đấu giá trở lên	15
2.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7
2.1	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)	4
2.2	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành	5
2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành	6
2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	7
3.	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)	4
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	5
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7
4.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm.	3
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm	3
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: Số điểm của B = $(U \times 3)/Y$	
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = $(V \times 3)/Y$	
5.	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng	7

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
	ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 05 năm	4
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm	5
5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm	6
5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên	7
6.	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4
6.1	01 đấu giá viên	2
6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	3
6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	4
7.	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4
7.1	Dưới 05 năm	2
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm	3
7.3	Từ 10 năm trở lên	4
8.	Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	3
8.2	Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	4
8.3	Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	5
9.	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5
9.1	Dưới 50 triệu đồng	3
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	4
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	5

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	3
1	Tổ chức đấu giá có số lượng đấu giá thành công nhiều loại tài sản năm 2024 nhất. (Cung cấp tài liệu chứng minh)	3
1.1	Số lượng nhiều nhất	3
1.2	Trường hợp còn lại	0
Tổng số điểm		95

5. Số lượng, thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá tài sản.

+ Số lượng hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá: 01 bộ hồ sơ phải còn nguyên niêm phong.

+ Thời gian nhận hồ sơ (trong giờ hành chính): Hồ sơ nộp trực tiếp trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày đăng thông báo.

+ Địa điểm nộp hồ sơ: Phòng Vật tư – Thiết bị y tế (P 334) - Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai, địa chỉ: Số 02, đường Đồng Khởi, phường Bình Đa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Lưu ý: Hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn phải được trình bày rõ ràng, khoa học, trình tự và tự chấm điểm cho các tiêu chí lựa chọn nêu tại mục 4 của thông báo này. Những trường hợp không được lựa chọn sẽ không hoàn lại hồ sơ.

Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai trân trọng thông báo để các tổ chức cung cấp dịch vụ đấu giá tài sản biết và đăng ký./.

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc BV;
- Phòng TCKT;
- Đăng website: dgts.moj.gov.vn;
- Đăng website: benhviendakhoadongnai.com
- Lưu: VT, VT-TBYT.

GIÁM ĐỐC



Ngô Đức Tuấn



THÔNG TIN TÀI SẢN ĐẦU GIÁ

(Đính kèm Thông báo số: 22 /TB-BVĐKĐN ngày 20 tháng 5 năm 2025 của Bệnh viện đa khoa Đồng Nai)

STT	Danh mục tài sản	ĐVT	Số lượng	Năm sử dụng
1	Máy gây mê kèm thở Hãng, Nước sản xuất: DATASCOPE/MỸ Model: ANESTAR PLUS Số serial: AF129255E8	Máy	1	2008
2	Máy gây mê kèm thở Hãng, Nước sản xuất: DATASCOPE/MỸ Model: ANESTAR PLUS Số serial: AF129261E8	Máy	1	2008
3	Máy gây mê kèm thở Hãng, Nước sản xuất: DATASC/MỸ Model: ANESTAR S Số serial: AS01052-F6	Máy	1	2008
4	Máy gây mê kèm thở Hãng, Nước sản xuất: DATASC/MỸ Model: ANESTAR S Số serial: AS01053-F6	Máy	1	2008
5	Máy gây mê kèm thở Hãng sản xuất: BLEASE Model: BLEASE	Máy	1	2008
6	Máy giúp thở đa năng Hãng, Nước sản xuất: VELA-MỸ Model: VIASYS Số serial: AKT05065	Máy	1	2010
7	Máy giúp thở đa năng Hãng, Nước sản xuất: VELA-MỸ Model: VIASYS Số serial: AKT05074	Máy	1	2010
8	Máy giúp thở đa năng Hãng, Nước sản xuất: VELA-MỸ Model: VIASYS Số serial: AGT01547	Máy	1	2010



STT	Danh mục tài sản	ĐVT	Số lượng	Năm sử dụng
9	Máy giúp thở đa năng Hãng, Nước sản xuất: VELA-MỸ Model: VIASYS Số serial: AGT03016	Máy	1	2010
10	Máy giúp thở đa năng Hãng, Nước sản xuất: VELA-MỸ Model: VIASYS Số serial: AKT05065	Máy	1	2010
11	Máy thở đa năng Hãng, Nước sản xuất: ACOMA - Nhật Model: ARF- 900EII Số serial: 021708950	Máy	1	2003
12	Máy thở đa năng Hãng, Nước sản xuất: ACOMA - Nhật Model: ARF- 900EII Số serial: 6247	Máy	1	2003
13	Máy thở đa năng Hãng, Nước sản xuất: ACOMA - Nhật Model: ARF- 900EII Số serial: 022109009	Máy	1	2003
14	Máy thở đa năng Hãng, Nước sản xuất: ACOMA - Nhật Model: ARF- 900EII Số serial: 6248	Máy	1	2003
15	Máy thở đa năng Hãng, Nước sản xuất: ACOMA - Nhật Model: ARF 1500E Số serial: 5833	Máy	1	1993
16	Máy siêu âm trắng đen Hãng, Nước sản xuất: TOSHIBA - Nhật Model: SSA350A Số serial: D0512538	Máy	1	2010
17	Máy sock tim (Máy phá rung tim) Hãng, Nước sản xuất: Nihon kohden - Nhật Bản Model: TEC-5521K Số serial: 165172	Máy	1	2007

STT	Danh mục tài sản	ĐVT	Số lượng	Năm sử dụng
18	Máy sock tim (Máy phá rung tim) Hãng, Nước sản xuất: Nihon kohden - Nhật Bản Model: TEC-5521K Số serial: 04437	Máy	1	2008
19	Máy sock tim (Máy phá rung tim) Hãng, Nước sản xuất: Nihon kohden - Nhật Bản Model: TEC-5521K Số serial: 01808	Máy	1	2008
20	Máy điện tim 3 kênh Hãng, Nước sản xuất: Nihon kohden - Nhật Bản Model: ECG-9620L Số serial: 07247	Máy	1	2007
21	Máy điện tim 3 kênh Hãng, Nước sản xuất: Nihon kohden - Nhật Bản Model: ECG-9620L Số serial: 21915	Máy	1	2007
22	Máy điện tim 3 kênh Hãng, Nước sản xuất: Nihon kohden - Nhật Bản Model: ECG-9620L Số serial: 07839	Máy	1	2007
23	Máy điện tim 3 kênh Hãng, Nước sản xuất: Nihon kohden - Nhật Bản Model: ECG-9620L Số serial: 22208	Máy	1	2007
24	Máy điện tim 3 kênh Hãng, Nước sản xuất: Nihon kohden - Nhật Bản Model: ECG-9620L	Máy	1	2007
25	Máy điện tim 3 kênh Hãng, Nước sản xuất: Nihon kohden - Nhật Bản Model: ECG-9620L Số serial: 21950	Máy	1	2007
26	Máy cắt đốt Hãng, Nước sản xuất: AESCULAP-Đức Model: GN 300 Số serial: 003254	Máy	1	2002

STT	Danh mục tài sản	ĐVT	Số lượng	Năm sử dụng
27	Kính hiển vi Hãng, Nước sản xuất: OLYMPUS-TQ Model: CX21 Số serial: 6K07108	Máy	1	2004
28	Kính hiển vi Hãng, Nước sản xuất: Labomed - Mỹ Model: CXL Số serial: 4Z00992	Máy	1	2004
29	Máy cắt lạnh Hãng, Nước sản xuất: Shandon - Anh Model: CRYOTOME Số serial: 77200166	Máy	1	2001
30	Máy thử nước tiểu Hãng, Nước sản xuất: MILES - Mỹ Model: 5772 Số serial: 002357	Máy	1	2012
31	Monitor sản khoa Hãng sản xuất: BIONICS Model: IFM 500 Số serial: 250-JB5080	Máy	1	2011
32	Monitor sản khoa Hãng, Nước sản xuất: BIONICS Model: IFM 500 Số serial: 250KE5067	Máy	1	2011
33	Monitor sản khoa Hãng, Nước sản xuất: BIONICS Model: IFM 500 Số serial: 250JB5081	Máy	1	2011
34	Máy cắt đốt Hãng, Nước sản xuất: ZERONE.CO.LTD - Hàn Quốc Model: DOCTAN Z400 Mã: 0434.34	Máy	1	2010
35	Máy cắt đốt Hãng, Nước sản xuất: ZERONE.CO.LTD - Hàn Quốc Model: DOCTAN Z400 Mã: 0434.35	Máy	1	2010

STT	Danh mục tài sản	ĐVT	Số lượng	Năm sử dụng
36	Máy cắt đốt Hãng, Nước sản xuất: ZERONE.CO.LTD - Hàn Quốc Model: DOCTAN-Z400 Mã: 0434.36	Máy	1	2010
37	Máy xquang thường quy (loại cố định) Hãng sản xuất: GE Mã hiệu: XR 125 Số serial: 482MDO	Máy	1	2009
38	Hệ thống điện di tự động Nước sản xuất: Sebia Model: Capillarys 2 Số serial: 2199	HT	1	2010
39	Máy hút dịch Hãng, Nước sản xuất: Doctor's Friend Medical - TAIWAN Số REF: DF-600 Số serial: 9029891	Máy	1	2010
40	Kính hiển vi Micros Autria Hãng, Nước sản xuất: MICROS- AUSTRIA Model: MCX100 Số serial: 2-300294	Máy	1	2001
41	Kính sinh hiển vi đèn khe Hãng, Nước sản xuất: KEELER - Trung Quốc Model: SL44AA Số serial: 02110293	Máy	1	2002
42	Máy C-arm (BV cũ) (Hệ thống chụp XQ chỉnh hình) *Bàn điều khiển: Hãng, Nước sản xuất: SIEMENS - Đức Model: ARCADIS VARIC Số serial: 12080 *Màn hình: Hãng, Nước sản xuất: SIEMENS - Đức Model: 08683984 Số serial: HXW4001506	Máy	1	2008
43	Máy tán sỏi niệu bằng Laser Hãng, Nước sản xuất: RICHARD WOLF - ĐỨC Model: LITHO Số serial: LHT0805-1012	Máy	1	2013

STT	Danh mục tài sản	ĐVT	Số lượng	Năm sử dụng
44	Máy vi sóng Hãng, Nước sản xuất: Trung Quốc Model: HYJ-V Số serial: 50004	Máy	1	2010
45	Máy điện tim 3 cần Hãng, Nước sản xuất: Nihon Kohden - Nhật Model: ECG-9620L Số serial: 06667	Máy	1	2007
46	Máy chữa răng siêu tốc Hãng, Nước sản xuất: Victor Deltan - TAIWAN Model: STV-22 Số serial: 95070090	Máy	1	1976
47	Máy định danh và làm kháng sinh đồ từ động Model: Phoenix 100 BD Số serial: PX1290	Máy	1	2010
48	Máy cưa bột Hãng, Nước sản xuất: HEBU/ ĐỨC Model: HEBU Số serial: 8894	Máy	1	2000
49	Máy soi cổ tử cung Hãng, nước sản xuất: Takagi - Nhật Model: CS-5 Số serial: 0403061	Máy	1	2003
50	Máy Monitor tim thai Hãng, Nước sản xuất: BIONICS Model: IFM-500 Số serial: 250-KE5065	Máy	1	2007
	Tổng cộng:		50	